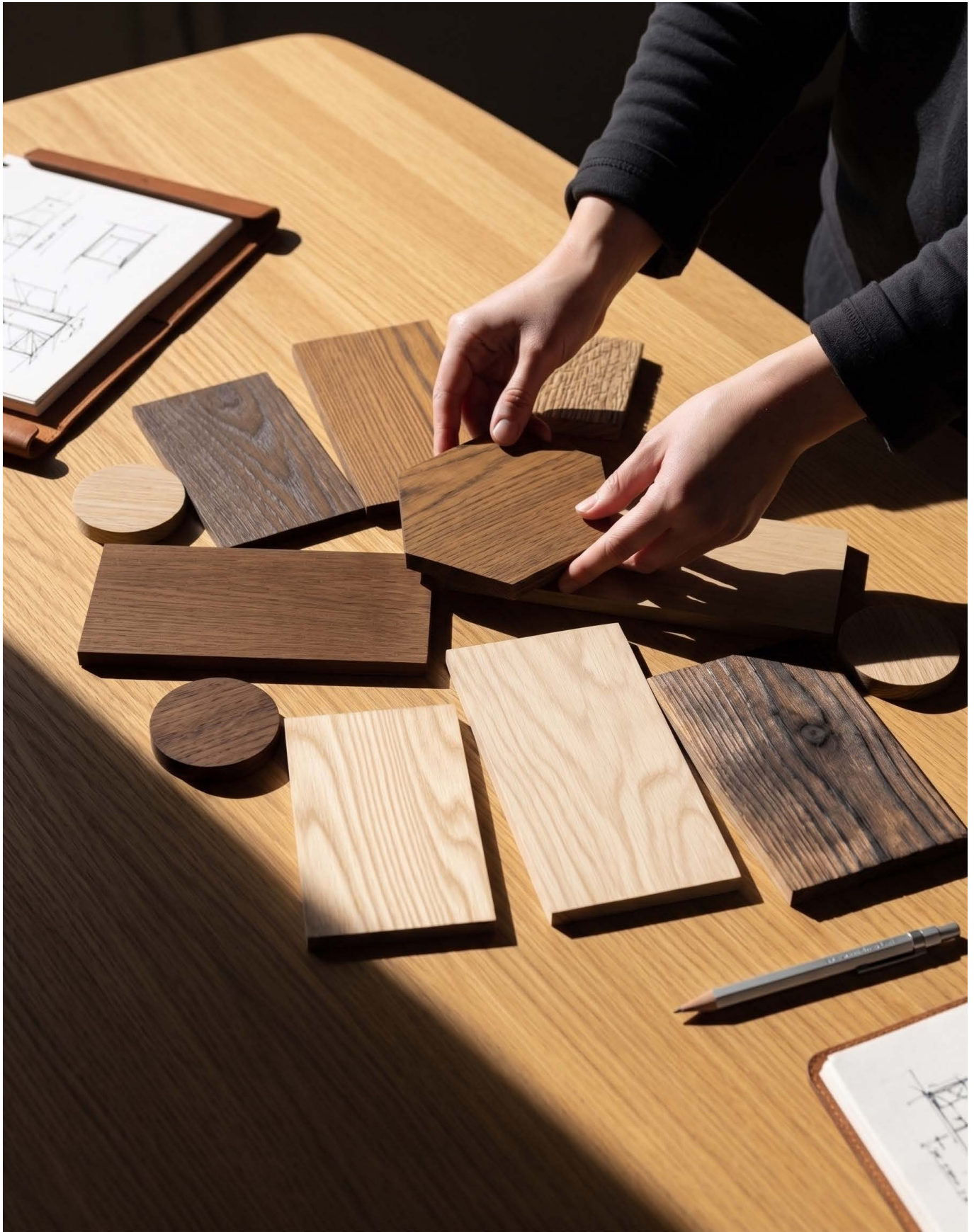




2026 Collection

EVERWOOD ÉLITE

PREMIUM MDF



Mục lục

 1	Về chúng tôi	04
 3	Tại sao nên chọn MH?	08
 4	BST Everwood Élite	40
	Solid Colors	13
	Wood Grains	19
	Fabrics	31
	Stones	35
 5	Thông tin kỹ thuật	40
 6	Danh mục	42



Về chúng tôi

Khởi đầu hành trình với dòng sản phẩm chủ lực là ván gỗ công nghiệp, MH đặt nền móng cho mục tiêu trở thành **thương hiệu dẫn đầu trong thị trường vật liệu nội thất tại Việt Nam**. Không chỉ đơn thuần cung cấp vật liệu, MH định hình một hướng đi khác biệt, nơi chất lượng, **an toàn sức khỏe** và tính bền vững được xem là những tiêu chuẩn cốt lõi để tái thiết lập mặt bằng chung của toàn ngành.

Sở hữu nguồn **nguyên liệu đạt chuẩn FSC**, MH theo đuổi những giá trị bền vững và minh bạch. Các sản phẩm được sản xuất trên nền tảng công nghệ hiện đại, sử dụng **nguồn nguyên liệu tái sinh**, đảm bảo khả năng truy xuất rõ ràng. Mỗi tấm ván không chỉ đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về phát thải và độ bền, mà còn góp phần kiến tạo một **không gian sống an toàn** và lâu dài cho người sử dụng.

Với MH, mục tiêu không chỉ dừng lại ở việc cung cấp vật liệu nội thất, mà là tiên **phong dẫn dắt thị trường** hướng đến một chuẩn mực sống mới, nơi gia chủ và những người thân yêu có thể tận hưởng **không gian sống lành mạnh, an toàn và trọn vẹn**.

“Mỗi tấm ván không chỉ đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về phát thải và độ bền, mà còn góp phần kiến tạo một không gian *sống an toàn* và lâu dài cho người sử dụng.”

DẪN ĐẦU CHẤT LƯỢNG TIÊN PHONG CHUẨN MỰC MỚI





Tại sao nên chọn MH?

Ra đời với khát vọng **thiết lập chuẩn mực mới** cho ngành vật liệu nội thất Việt Nam, MH cam kết mang đến các giải pháp **ván gỗ công nghiệp an toàn, chất lượng và bền vững**. Trước thực trạng thị trường vẫn còn nhiều sản phẩm có mức phát thải formaldehyde cao, MH kiên định nói không với tiêu chuẩn E2 và E3, chỉ cung cấp các **sản phẩm đạt chuẩn E1, E0 và CARB P2**. Kết hợp cùng độ bền và tính ổn định vượt trội, mỗi tấm ván MH góp phần kiến tạo những **không gian sống lành mạnh và an tâm** cho mọi gia đình.

Nổi bật trong danh mục sản phẩm là dòng ván lõi đen đột phá với **độ trương nở $\leq 6\%$** , giúp tăng cường khả năng **chống ẩm** và duy trì độ bền bỉ theo thời gian. Bên cạnh đó, MH xây dựng một hệ sinh thái toàn diện dành cho khách hàng và đối tác, nơi mỗi thiết kế đều có thể được cá nhân hóa, mỗi bộ sưu tập mang một dấu ấn riêng và mỗi trải nghiệm đều được chăm chút đến từng chi tiết.

Với MH, khách hàng không chỉ lựa chọn một vật liệu nội thất, mà còn lựa chọn một chuẩn mực sống mới, nơi giá trị thẩm mỹ, sự an toàn và chất lượng bền vững cùng song hành. **ĐẲNG CẤP – AN TOÀN.**





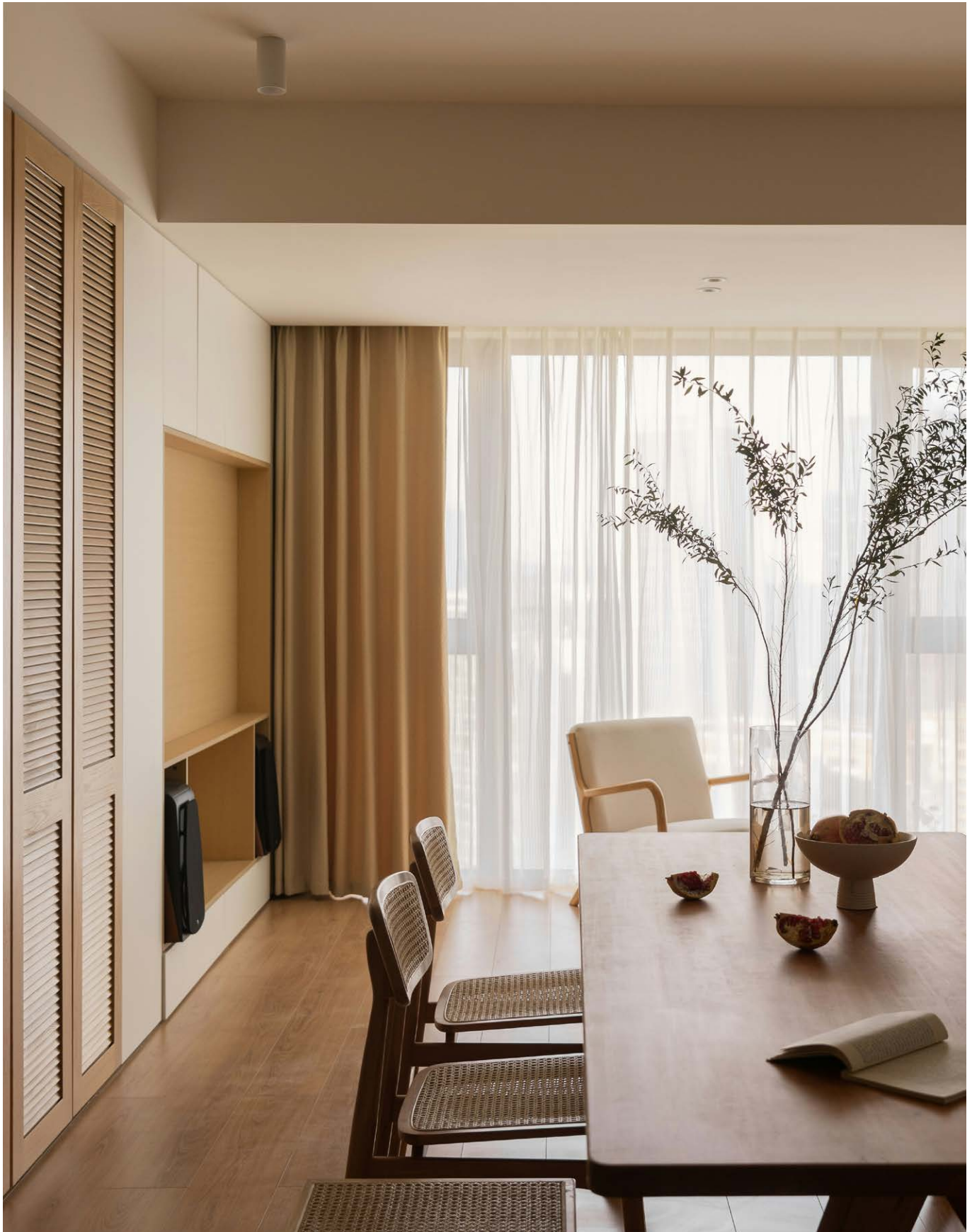


EVERWOOD ÉLITE

Everwood Élite là bộ sưu tập đầu tiên của MH, được phát triển như một tuyên ngôn mới cho không gian sống hiện đại, nơi thẩm mỹ, chất lượng và sự an toàn cùng song hành. Không chỉ dừng lại ở những thiết kế vân gỗ tinh tuyền, **Everwood Élite** còn mở rộng trải nghiệm vật liệu với bảng màu đơn sắc hiện đại, vân vải thời thượng và vân đá sang trọng, mang đến sự đa dạng cho nhiều phong cách nội thất khác nhau.

Kết hợp cùng tiêu chuẩn chất lượng quốc tế và định hướng sống an toàn cho sức khỏe, **Everwood Élite** không đơn thuần là một bộ sưu tập vật liệu, mà là nền tảng để kiến tạo những không gian sống đẳng cấp và bền vững.

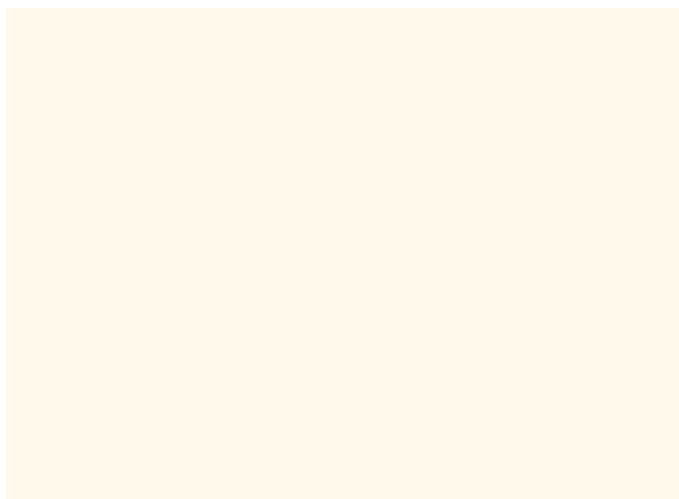




Solid Colors

Các tone màu đơn sắc mang đến ngôn ngữ thiết kế tinh giản nhưng đầy tinh tế cho không gian hiện đại. Bề mặt đồng nhất cùng bảng màu cân bằng giúp dễ dàng kết hợp với vân gỗ, đá, kim loại hay vật liệu textile, tạo nên tổng thể hài hòa và đẳng cấp cho mọi ứng dụng nội thất.





WH C1-004
Beige White



S C1-011
Smokey Taupe



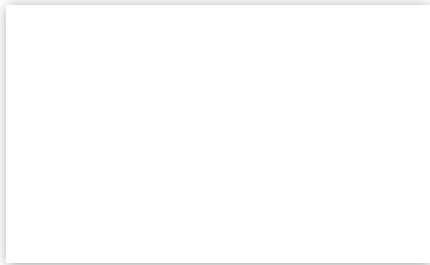
S C1-001
Light Grey



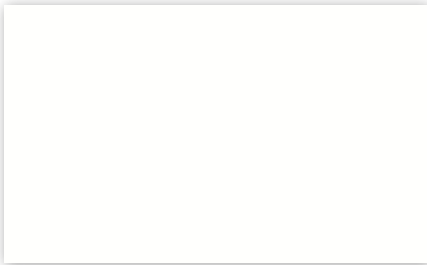
Solid Colors



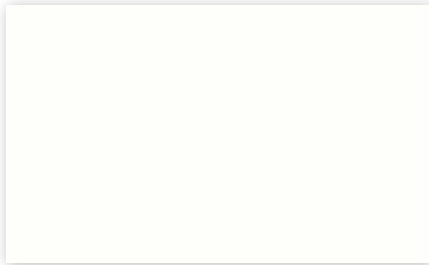
1



WH C1-005
Pure White

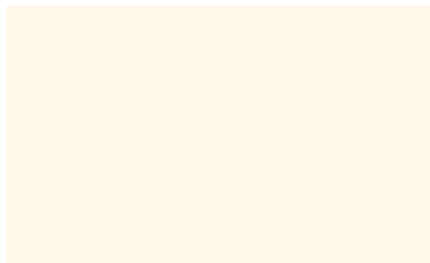


WH C1-003
Snow White

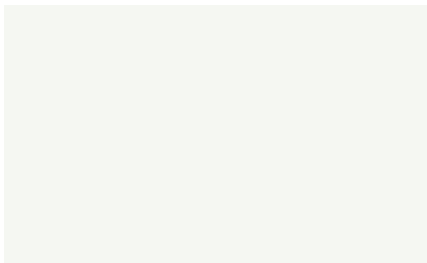


WH C1-002
Cloud White

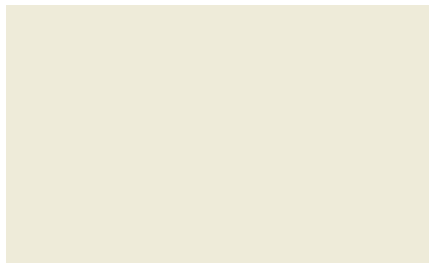
2



WH C1-004
Beige White

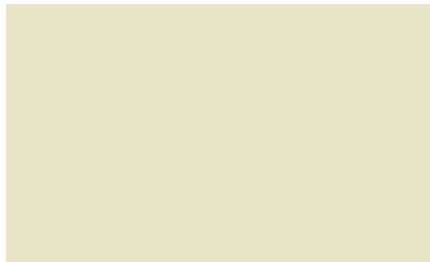


WH C1-001
Off-White

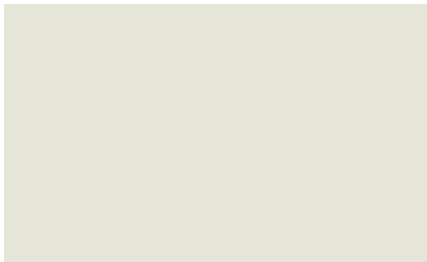


S C1-003
Cream

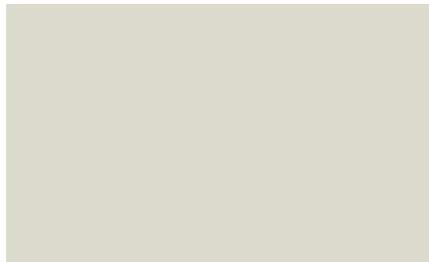
3



S C1-008
Butter Cream



S C1-013
Cool Grey



S C1-015
Soft Grey

4



S C1-009
Comfort Grey



S C1-001
Light Grey



S C1-011
Smokey Taupe

A

B

C

Solid Colors



1



S C1-016
Smokey Grey

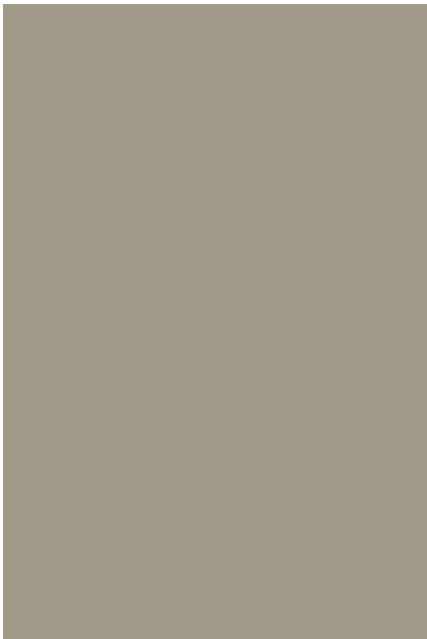


S C1-010
Foggy Grey



S C1-004
Ash Grey

2



S C1-014
Warm Grey



S C1-007
Olive Grey



S C1-005
Pewter Grey

3



S C1-012
Charcoal



S C1-006
Dark grey



S C1-002
Black

A

B

C

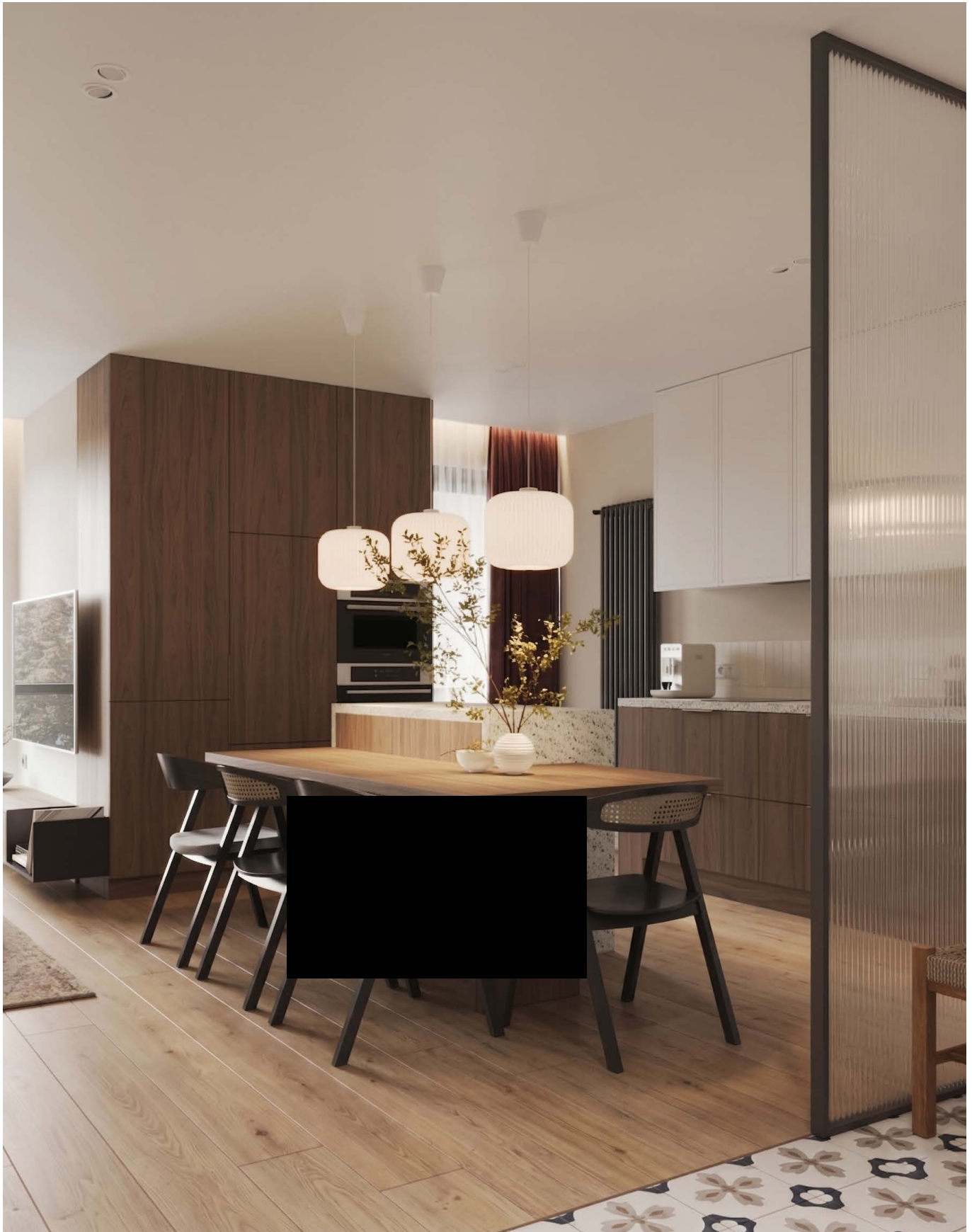
Wood Grains

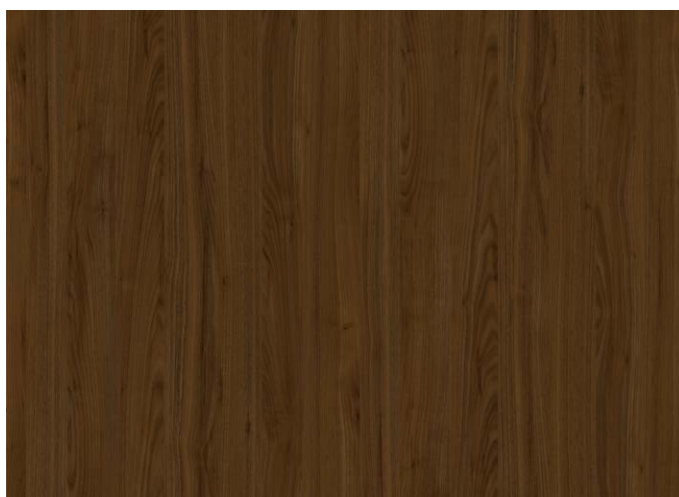
Mỗi bề mặt vân gỗ đều kể một câu chuyện riêng của thiên nhiên, nơi từng thớ gỗ, đường vân và sắc độ tạo nên chiều sâu cảm xúc cho không gian. Từ những gam gỗ sáng thanh lịch đến sắc nâu trầm ấm áp, mỗi lựa chọn đều góp phần kiến tạo không gian sống hài hòa và đẳng cấp.





W C1-022
Sonoma Oak





W C1-010
Dark Walnut





W C1-007
Cherry





W C1-027
Ebony Oak





Wood Grains

1



W C1-003
Light Acacia



W C1-001
White Oak



W C1-002
White Maple

2



W C1-006
Natural Oak



W C1-005
Golden Oak



W C1-004
Warm Ash

3



W C1-025
Canyon Oak



W C1-022
Sonoma Oak



W C1-014
Nordic Maple

4



W C1-015
Golden Maple



W C1-017
Green Oak



W C1-012
Tobacco Oak

A

B

C

1



W C1-016
Brown Oak

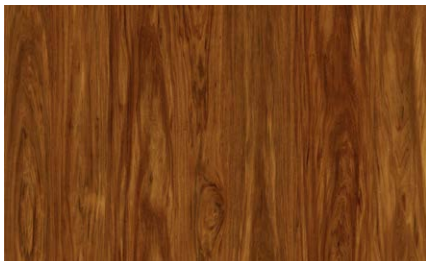


W C1-011
Smoked Oak



W C1-027
Ebony Oak

2



W C1-007
Cherry



W C1-009
Warm Walnut



W C1-010
Dark Walnut

3



W C1-013
Canaletto Walnut



W C1-026
Origin Walnut



W C1-023
Dark Elm

4



W C1-021
Dark Brown Walnut



W C1-008
Ludvika Wood



W C1-018
Columbia Walnut

A

B

C

Wood Grains

EVERWOOD ÉLITE

1



W C1-029
Dark Ember Oak



W C1-024
Deep Espresso Walnut



W C1-020
Dark Chocolate Walnut

2



W C1-019
Deep Charcoal Walnut



W C1-028
Eastern Black Oak

A

B

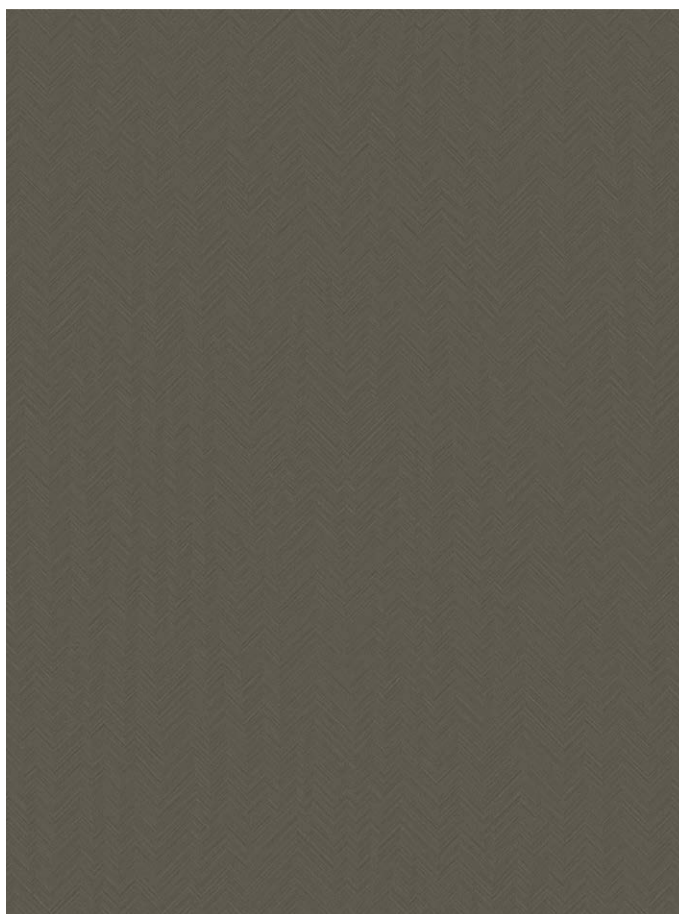
C



Fabrics

Với hiệu ứng bề mặt tựa những lớp vải dệt tinh gọn, Melamine MDF vân vải tạo nên cảm giác nhẹ nhàng và cân bằng cho nội thất đương đại. Những đường dệt mô phỏng chân thực tạo nên chiều sâu thị giác độc đáo, giúp không gian trở nên hiện đại, thanh lịch và giàu cảm xúc.



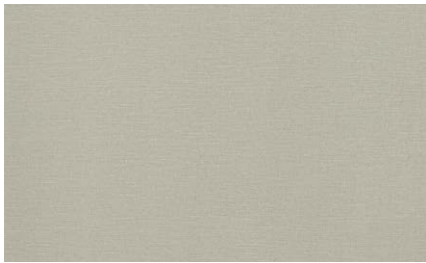


T C1-005
Beige Herringbone Linen

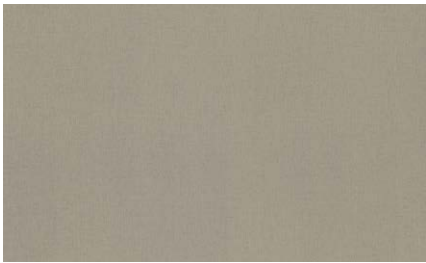
Fabrics



1



T C1-007
Beige Jeans

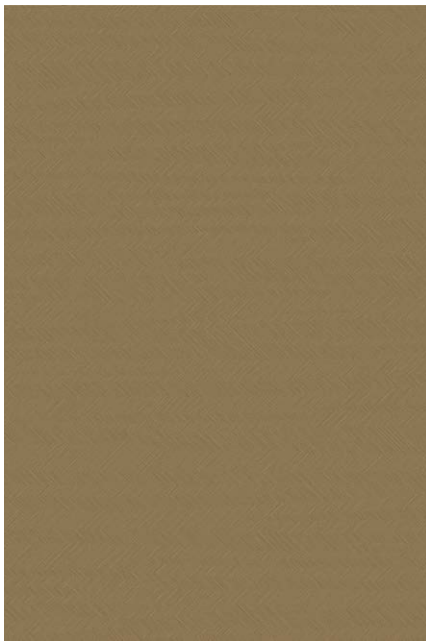


T C1-008
Natural Linen

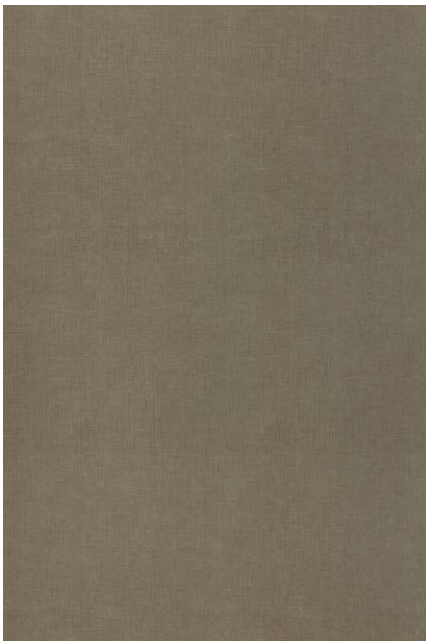


T C1-001
Beige Linen

2



T C1-006
Light Caramel Herringbone Linen



T C1-004
Chai Cambric

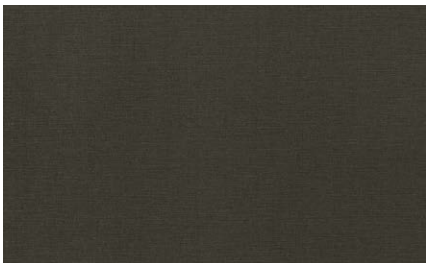


T C1-005
Beige Herringbone Linen

3



T C1-003
Espresso Denim Jeans



T C1-002
Jeans

A

B

C



Stones

Mang tinh thần contemporary luxury, Melamine MDF vân đá tạo nên điểm nhấn ấn tượng cho không gian với vẻ đẹp sắc sảo nhưng cân bằng. Các hiệu ứng đá từ marble thanh lịch đến concrete hiện đại giúp dễ dàng ứng dụng trong nhiều phong cách nội thất khác nhau.





M C1-001
White Granite

Stones



1



M C1-001
White Granite

2



M C1-005
White Concrete

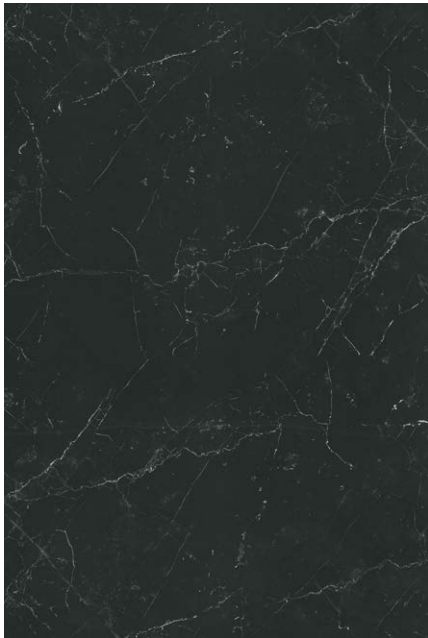


M C1-003
Beige Cracked Marble

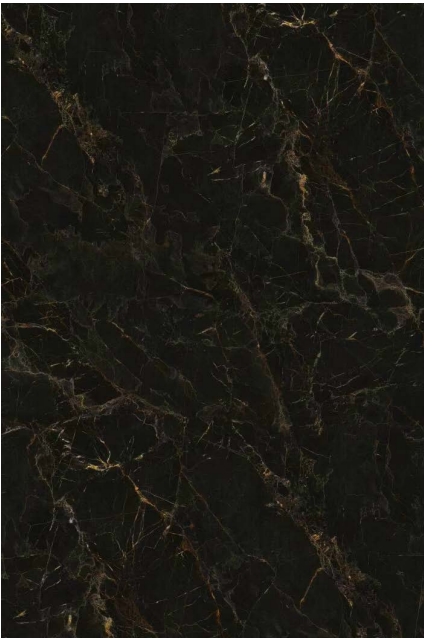


M C1-006
Greystone Concrete

3



M C1-004
Black Granite



M C1-002
Dark Marble



M C1-007
Black Marble

A

B

C



THÔNG TIN KỸ THUẬT

MDF QUALITY STANDARDS

Tiêu chuẩn chất lượng ván MDF

This standard is issued accordingly BS EN 622-5:2009 & EN 14322:2021
Tiêu chuẩn này ban hành theo BS EN 622-5:2009 & EN 14322:2021

Dimension/ Kích thước: 1220 x 2440 mm

I. FORMALDEHYDE EMISSION / PHÁT THẢI FORMALDEHYDE							
PROPERTIES Thuộc tính		TEST METHOD Phương pháp kiểm tra	Units Đơn vị	Standards Tiêu chuẩn			
Formaldehyde emisson (Perforator) Phát thải formaldehyde (Phương pháp chiết)		EN120/ISO12460 TCVN11899-5	mg/100g	E1 ≤ 9; E2 ≤ 30			
Formaldehyde emisson (CARB P2/EPA TSCA Title VI) Phát thải formaldehyde (CARB P2/EPA TSCA Title VI)		ASTM-D5582	µg/ml	≤ 0.58 (Thickness ≤8mm / Chiều dày ≤8mm) ≤ 0.48 (Thickness >8mm / Chiều dày >8mm)			
II. MDF STANDARD/TIÊU CHUẨN CỐT VÁN MDF							
PRODUCT TYPE Loại sản phẩm	BOARD PROPERTIES Thuộc tính ván	TEST METHOD Phương pháp kiểm tra	UNITS Đơn vị	RANGE OF THICKNESS BOARD Phạm vi độ dày ván			
				> 4-6 mm	> 6-9 mm	> 9-12 mm	> 12-17 mm
MDF HMR	Board moisture content/ Độ ẩm	EN 322	%	4 - 9			
	Average density Tỉ trọng trung bình	EN 323	kg/m³	780±20	750±20	745±20	730±20
	Internal Bond Average (IB) Lực liên kết trong	EN 319	N/mm²	≥ 0.8	≥ 0.8	≥ 0.75	≥ 0.65
	Moduls of rupture (MOR) Độ bền uốn tĩnh	EN 310	N/mm²	≥ 27	≥ 27	≥ 26	≥ 24
	Moduls of Elasticity (MOE) Modul đàn hồi	EN 310	N/mm²	≥ 2700	≥ 2700	≥ 2500	≥ 2400
	Thickness swelling 24h Trương nở 24h	EN 317	%	≤ 18	≤ 12	≤ 10	≤ 8
	Screw Holding (Edege) Lực bám ít cạnh	EN 320	N	-	-	-	≥ 850
	Screw holding (Surface) Lực bám vít mặt	EN 320	N	-	-	-	≥ 1050
MDF Super HMR	Board moisture content/ Độ ẩm	EN 322	%	4 - 9			
	Average density Tỉ trọng trung bình	EN 323	kg/m³	780±20	750±20	745±20	730±20
	Internal Bond Average (IB) Lực liên kết trong	EN 319	N/mm²	≥ 0.85	≥ 0.85	≥ 0.8	≥ 0.7
	Moduls of rupture (MOR) Độ bền uốn tĩnh	EN 310	N/mm²	≥ 27	≥ 27	≥ 26	≥ 24
	Moduls of Elasticity (MOE) Modul đàn hồi	EN 310	N/mm²	≥ 2700	≥ 2700	≥ 2500	≥ 2400
	Thickness swelling 24h Trương nở 24h	EN 317	%	≤ 16	≤ 10	≤ 8	≤ 6
	Screw Holding (Edege) Lực bám vít cạnh	EN 320	N	-	-	-	≥ 850
	Screw holding (Surface) Lực bám vít mặt	EN 320	N	-	-	-	≥ 1050

MDF MELAMINE QUALITY STANDARDS

Tiêu chuẩn chất lượng ván MDF Melamine

This standard is issued accordingly BS EN 622-5:2009 & EN 14322:2021
Tiêu chuẩn này ban hành theo BS EN 622-5:2009 & EN 14322:2021

Dimension/ Kích thước: 1220 x 2440 mm

I. FORMALDEHYDE EMISSION / PHÁT THẢI FORMALDEHYDE					
PROPERTIES Thuộc tính		TEST METHOD Phương pháp kiểm tra	Units Đơn vị	Standards Tiêu chuẩn	
Formaldehyde emisson (Perforator) Phát thải formaldehyde (Phương pháp chiết)		EN120/ISO12460 TCVN11899-5	mg/100g	E1 ≤ 9; E2 ≤ 30	
Formaldehyde emisson (CARB P2/EPA TSCA Title VI) Phát thải formaldehyde (CARB P2/EPA TSCA Title VI)		ASTM-D5582	µg/ml	≤ 0.58 (Thickness ≤8mm / Chiều dày ≤8mm) ≤ 0.48 (Thickness >8mm / Chiều dày >8mm)	
II. MELAMINE-FACED MDF STANDARD/TIÊU CHUẨN VÁN MDF PHỦ MELAMINE					
No. STT	PROPERTY Thuộc tính	TEST METHOD Phương pháp kiểm tra	UNITS Đơn vị	RANGE OF THICKNESS BOARD Phạm vi độ dày ván	
				< 15 mm	≥ 15 to 17 mm
1	Thickness tolerance relative to the nominal value/ Dung sai độ dày so với giá trị danh nghĩa	EN14323	mm	+ 0.5 mm & - 0.3mm	
2	Flatness/ Độ phẳng	EN14323	mm/m	-	≤2 (only for balanced surfaces/chỉ áp dụng cho ván có giấy cân bằng hai mặt)
3	Dimensional tolerance Dung sai kích thước	EN14323	mm	± 5 For length/đối với chiều dài ± 2.5 For width/đối với chiều rộng	
4	Edge damage/ Hư hỏng cạnh	EN14323	mm	≤ 10 (Depth 5mm,4 defects/panel)	
5	Surface defects/ Lỗi bề mặt	EN14323	mm²/m² mm/m²	points/điểm ≤ 3 length/độ dài ≤ 40	
6	Resistance to scratching Khả năng chống trầy xước	EN14323	N	≥ 1.5	
7	Resistance to staining Khả năng chống bám bẩn, ố màu	EN14323	Cấp độ	≥ 3	
8	Resistance to cracking Khả năng chống nứt	EN14323	Cấp độ	≥ 3	
9	Chỉ số chống mài mòn (IP)	EN14323	Vòng	≥ 100	

* Dimensional Tolerances for MDF Panels: Thickness tolerance: ± 0.2mm; Length and width tolerance: ± 2mm/m (not exceeding 5mm in total); Diagonal tolerance: not exceeding 5mm/Dung sai kích thước cốt ván MDF: chiều dày ± 0.2mm; chiều dài và chiều rộng ± 2mm/m (không vượt quá 5mm); đường chéo không vượt quá 5mm.



ISO 9001 : 2015
Made in Viet Nam

DANH MỤC

Code	Design name	Page	Row
WH C1-001	Off-White	17	B2
WH C1-002	Cloud White	17	C1
WH C1-003	Snow White	17	B1
WH C1-004	Beige White	17	A2
WH C1-005	Pure White	17	A1
S C1-001	Light Grey	17	B4
S C1-002	Black	18	C3
S C1-003	Cream	17	C2
S C1-004	Ash Grey	18	C1
S C1-005	Pewter Grey	18	C2
S C1-006	Dark grey	18	B3
S C1-007	Olive Grey	18	B2
S C1-008	Butter Cream	17	A3
S C1-009	Comfort Grey	17	A4
S C1-010	Foggy Grey	18	B1
S C1-011	Smokey Taupe	17	C4
S C1-012	Charcoal	18	A3
S C1-013	Cool Grey	17	B3
S C1-014	Warm Grey	18	A2
S C1-015	Soft Grey	17	C3
S C1-016	Smokey Grey	18	A1
W C1-001	White Oak	28	B1
W C1-002	White Maple	28	C1
W C1-003	Light Acacia	28	A1
W C1-004	Warm Ash	28	C2
W C1-005	Golden Oak	28	B2
W C1-006	Natural Oak	28	A2
W C1-007	Cherry	29	A2
W C1-008	Ludvika Wood	29	B4
W C1-009	Warm Walnut	29	B2
W C1-010	Dark Walnut	29	C2
W C1-011	Smoked Oak	29	B1
W C1-012	Tobacco Oak	28	C4

Code	Design name	Page	Row
W C1-013	Canaletto Walnut	29	A3
W C1-014	Nordic Maple	28	C3
W C1-015	Golden Maple	28	A4
W C1-016	Brown Oak	29	A1
W C1-017	Green Oak	28	B4
W C1-018	Columbia Walnut	29	C4
W C1-019	Deep Charcoal Walnut	30	A2
W C1-020	Dark Chocolate Walnut	30	C1
W C1-021	Dark Brown Walnut	29	A4
W C1-022	Sonoma Oak	28	B3
W C1-023	Dark Elm	29	C3
W C1-024	Deep Espresso Walnut	30	B1
W C1-025	Canyon Oak	28	A3
W C1-026	Origin Walnut	29	B3
W C1-027	Ebony Oak	29	C1
W C1-028	Eastern Black Oak	30	B2
W C1-029	Dark Ember Oak	30	A1
T C1-001	Beige Linen	34	C1
T C1-002	Jeans	34	B3
T C1-003	Espresso Denim Jeans	34	A3
T C1-004	Chai Cambric	34	B2
T C1-005	Beige Herringbone Linen	34	C2
T C1-006	Light Caramel Herringbone Linen	34	A2
T C1-007	Beige Jeans	34	A1
T C1-008	Natural Linen	34	B1
M C1-001	White Granite	38	A1
M C1-002	Dark Marble	38	B3
M C1-003	Beige Cracked Marble	38	B2
M C1-004	Black Granite	38	A1
M C1-005	White Concrete	38	A2
M C1-006	Greystone Concrete	38	C2
M C1-007	Black Marble	38	C3



MAY HOME LIMITED COMPANY

Số 115 Quang Trung, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam